

Số: 39 /2013/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 03 tháng 12 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện,  
đường xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì đường bộ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 258/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 11 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định công tác quản lý, bảo trì đường bộ đối với hệ thống đường huyện, đường xã (cấp AH hoặc A theo Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020); quy định việc áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã; quy định trách nhiệm quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, bảo trì đường huyện, đường xã phải thực hiện Quyết định này.

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã**

1. Việc quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã nhằm đảm bảo duy trì chất lượng sử dụng công trình an toàn theo thiết kế, hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư sửa chữa.

2. Công trình đường bộ sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn, sửa chữa vừa phải được nghiệm thu, bàn giao, tổ chức quản lý, bảo trì. Thời gian thực hiện quản lý được tính từ ngày chủ đầu tư, chủ quản lý khai thác ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác. Thời gian thực hiện bảo trì được tính từ ngày chủ đầu tư, chủ quản lý khai thác ký biên bản nghiệm thu bàn giao hết thời hạn bảo hành công trình.

3. Công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã được thực hiện theo quy trình bảo trì, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức quản lý, bảo trì công trình được cơ quan

có thẩm quyền công bố và các quy định hiện hành; phải đáp ứng yêu cầu duy trì chất lượng và an toàn công trình, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

#### **Điều 4. Nội dung quản lý hệ thống đường huyện, đường xã**

1. Lưu trữ và quản lý khai thác hồ sơ hoàn công công trình xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất.

2. Lập hồ sơ quản lý

a) Quản lý hồ sơ, tài liệu kỹ thuật có liên quan.

- Đối với cầu đường bộ: gồm các tài liệu trích hồ sơ hoàn công như bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang cầu, mặt cắt địa chất, hồ sơ đèn bù giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ kiểm định, hồ sơ cấp phép thi công; lập sổ lý lịch cầu, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất; sổ tuần tra, kiểm tra cầu;

- Đối với đường bộ, lề bảo vệ đường bộ, cống trên đường bộ: gồm các tài liệu trích hồ sơ hoàn công như bình đồ, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang, mặt cắt địa chất, hồ sơ đèn bù giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép thi công; lập bình đồ duỗi thẳng và lập các biến động về tổ chức giao thông sử dụng đất dành cho đường bộ, sổ tuần đường, cập nhật kết quả các đợt kiểm tra, các dự án sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất;

- Đối với bến phà đường bộ: gồm các tài liệu trích hồ sơ hoàn công như bình đồ (kể cả bình đồ bố trí phao tiêu, đèn tín hiệu hướng dẫn giao thông thủy khi đi qua khu vực bến phà), tổ chức giao thông, mặt cắt dọc, mặt cắt ngang bến, hồ sơ đèn bù giải phóng mặt bằng, hồ sơ mốc lộ giới, hồ sơ cấp phép thi công; cập nhật các thay đổi về luồng về lưu lượng người, phương tiện tham gia giao thông; các thay đổi về tổ chức giao thông, kết quả kiểm tra và dự án sửa chữa định kỳ.

b) Bảo quản hồ sơ, tài liệu: hồ sơ, tài liệu phải được lưu giữ, bảo quản tại các nơi lưu giữ đảm bảo đúng theo quy định; đánh ký hiệu đối với từng công trình để dễ tìm khi cần thiết; lập danh mục các hồ sơ lưu trên máy tính.

3. Kiểm tra theo dõi tình trạng hệ thống đường huyện, đường xã

a) Các hạng mục cần được kiểm tra theo dõi: mặt đường, hệ thống thoát nước, mái ta luy, nền đường, các công trình trên đường (cầu, cống, bến phà).

b) Các hình thức kiểm tra

- Kiểm tra thường xuyên: hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng do các thành viên trong đội bảo dưỡng thực hiện;

- Kiểm tra định kỳ: tháng, quý, năm do cán bộ có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc đơn vị quản lý thực hiện;

- Kiểm tra đột xuất: sau mỗi đợt lụt, bão hoặc các tác động bất thường khác cần phải thực hiện kiểm tra đột xuất, xem xét và xác định nguyên nhân để có giải pháp kỹ thuật sửa chữa phù hợp.

c) Lập kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa kèm theo các hình thức kiểm tra.

4. Phân loại và đánh giá tình trạng kỹ thuật các công trình cầu, cống.

5. Thực hiện đếm xe, phân tích số liệu và đánh giá sự tăng trưởng của lưu lượng, kiểu loại xe và kiểm soát tải trọng xe.

6. Thực hiện quản lý tải trọng, khổ giới hạn xe; tổ chức cấp giấy lưu hành cho xe quá khổ giới hạn, quá tải trọng công trình đường bộ; kiểm tra tải trọng xe ở các trạm

kiểm tra tải trọng xe cố định hoặc tạm thời và xử lý theo quy định; phân tích đánh giá tác động cho hoạt động của xe quá khổ, quá tải đến độ bền vững công trình.

7. Lập biểu mẫu theo dõi số vụ tai nạn, xác định ban đầu nguyên nhân từng vụ tai nạn, thiệt hại do tai nạn. Phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương để giải quyết tai nạn giao thông theo thẩm quyền.

8. Đảm bảo an toàn giao thông khi thi công trên đường đang khai thác, tổ chức giao thông; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ cho phù hợp; lập hồ sơ xử lý điểm đen, xử lý và theo dõi hiệu quả xử lý điểm đen.

9. Lập kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống đường huyện, đường xã.

10. Tổ chức, thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ; phối hợp với Công an và chính quyền địa phương quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

11. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Nội dung bảo trì đường huyện, đường xã**

1. Công tác bảo trì đường huyện, đường xã gồm: bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

2. Bảo dưỡng thường xuyên là công việc làm hàng ngày, hàng tháng, hàng quý nhằm theo dõi tình trạng đường bộ, có các giải pháp ngăn chặn hư hỏng, sửa chữa kịp thời những hư hỏng nhỏ do tác động bên ngoài ảnh hưởng đến chất lượng công trình, duy trì tình trạng công trình bình thường để đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt.

3. Sửa chữa định kỳ là sửa chữa hư hỏng công trình theo thời hạn quy định kết hợp khắc phục một số khiếm khuyết của công trình xuất hiện trong quá trình khai thác, nhằm khôi phục tình trạng kỹ thuật và cải thiện điều kiện khai thác của công trình.

a) Sửa chữa định kỳ bao gồm sửa chữa vừa và sửa chữa lớn; trong thời gian sửa chữa lớn có ít nhất một lần sửa chữa vừa.

b) Thời hạn sửa chữa vừa, sửa chữa lớn đường bộ được phân theo kết cấu mặt đường.

| STT | Loại kết cấu mặt đường             | Thời gian (năm) |              |
|-----|------------------------------------|-----------------|--------------|
|     |                                    | Sửa chữa vừa    | Sửa chữa lớn |
| 1   | Bê tông nhựa                       | 4               | 12           |
| 2   | Bê tông xi măng                    | 8               | 24           |
| 3   | Đá dăm trộn nhựa, đá dăm đen       | 3               | 9            |
| 4   | Thảm nhập nhựa, láng nhựa 2, 3 lớp | 3               | 6            |
| 5   | Đá dăm, cấp phối                   | 2               | 4            |

c) Thời gian quy định sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ được điều chỉnh bằng hệ số triết giảm phù hợp với điều kiện về thời gian sử dụng công trình, lưu lượng xe. Các hệ số này được vận dụng theo quy định tương tự hệ số  $(K_1)$ ,  $(K_2)$  tại phụ lục 01 và 02 tập Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 3479/2001/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2001 của Bộ Giao thông vận tải, khi Định mức này thay đổi thì được vận dụng điều chỉnh theo định mức thay thế.

d) Sửa chữa định kỳ cầu phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ (đối với cầu tạm) hoặc kết quả kiểm tra định kỳ, kết quả kiểm định 10 năm, 05 năm hoặc đột xuất (đối với cầu bán vĩnh cửu và cầu vĩnh cửu).

d) Sửa chữa định kỳ bền phà: ngoài quy định sửa chữa theo quy trình quản lý, vận hành cho phù hợp, còn căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, đột xuất.

4. Sửa chữa đột xuất là sửa chữa các sự cố hư hỏng cầu đường không định trước được do thiên tai lụt, bão hoặc những sự cố bất thường khác gây ra. Đơn vị trực tiếp quản lý phải chủ động, tích cực quy động lực lượng, vật tư, thiết bị để tổ chức đảm bảo giao thông và hướng dẫn phân luồng xe; đồng thời báo cáo đơn vị quản lý cấp trên; kịp thời thông báo đến phương tiện thông tin đại chúng khi cầu đường bị hư hỏng nặng. Sửa chữa đột xuất chia làm hai bước:

a) Bước 1: nhằm khôi phục đảm bảo giao thông nhanh nhất, ổn định hoạt động giao thông vận tải đường bộ, nhằm giảm thiệt hại, hạn chế ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

Thực hiện bước 1: chủ đầu tư hoặc cơ quan chịu trách nhiệm quản lý công trình, tài sản đó được chỉ định ngay nhà thầu thi công và tư vấn thiết kế đủ tư cách pháp nhân (gọi chung là nhà thầu) để thực hiện. Khi thực hiện chỉ định thầu, phải lựa chọn nhà thầu được xác định là có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng các yêu cầu của công việc.

Sau khi hoàn tất công việc bước 1, chậm nhất là 45 ngày làm việc, chủ đầu tư hoặc cơ quan chịu trách nhiệm quản lý công trình, tài sản đó chỉ đạo nhà thầu lập và hoàn chỉnh hồ sơ hoàn công trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

b) Bước 2: khôi phục lại công trình về tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố, gia cố nhằm kiên cố hóa công trình, nâng cấp hoặc xây dựng mới; bước 2 thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư xây dựng.

#### **Điều 6. Trình tự, thủ tục thực hiện**

1. Kế hoạch quản lý, duy tu bảo dưỡng: Thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

##### **2. Thủ tục hồ sơ**

a) Các hồ sơ thủ tục cho công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng phải căn cứ vào kế hoạch được xây dựng theo từng hạng mục công việc, tuyến đường thực tế hư hỏng và các định mức hiện hành, các bên liên quan cùng nhau xem xét những công việc cần đưa vào duy tu sửa chữa.

b) Đối với các tuyến đường huyện: Phòng Kinh tế và Hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị) chỉ đạo Bộ phận quản lý duy tu, bảo dưỡng lập hồ sơ, dự toán đồng thời tiến hành thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ra quyết định phê duyệt.

c) Đối với các tuyến đường xã: Tổ duy tu, bảo dưỡng chịu trách nhiệm lập hồ sơ, dự toán gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị) thẩm định. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Tổ duy tu, bảo dưỡng trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định phê duyệt.

3. Lựa chọn nhà thầu: Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng công trình đường huyện, đường xã thực hiện theo Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành.

#### **Điều 7. Trách nhiệm thực hiện**

##### **1. Trách nhiệm Sở Giao thông vận tải**

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định về quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã, các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật và các quy định khác về quản lý, bảo trì đường huyện, đường xã;

b) Chỉ đạo lực lượng thanh tra giao thông phối hợp với chính quyền địa phương (khi có đề nghị) để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ công trình đường bộ, quản lý sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật;

c) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện về quản lý, bảo trì đường huyện, đường xã;

d) Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đối với các đơn vị được giao quản lý đường huyện, đường xã.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Bố trí kinh phí thực hiện quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế hàng năm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

b) Chỉ đạo phòng ban chuyên môn trực thuộc thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực giao thông, hướng dẫn, tổ chức kiểm tra, thanh tra việc quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện, đường xã;

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì hệ thống đường huyện;

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân hiểu, thực hiện các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

đ) Có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất về công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường địa phương về Sở Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo;

e) Quản lý sử dụng đất trong chỉ giới xây dựng theo quy định của pháp luật. Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ;

g) Chỉ đạo đơn vị quản lý và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ;

h) Cấp, thu hồi giấy phép thi công xây dựng liên quan đến các tuyến đường huyện;

i) Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Bố trí kinh phí thực hiện quản lý, bảo trì hệ thống đường xã trong dự toán chi sự nghiệp kinh tế hàng năm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Tuyên truyền hướng dẫn nhân dân thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình giao thông và an toàn giao thông đường bộ;

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường xã;

d) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật. Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ;

đ) Phối hợp với đơn vị quản lý và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ;

e) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc xây dựng quy hoạch chung, trong đó có kết cấu hạ tầng giao thông;

g) Kiên quyết xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật đối với tập thể và cá nhân xâm hại công trình giao thông.

**Điều 8. Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức trong công tác quản lý, bảo trì đường bộ**

1. Áp dụng trong bảo quản thường xuyên đường bộ

a) Đối với đường huyện, đường xã: tham khảo áp dụng tập Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 3479/2001/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 10 năm 2001 của Bộ Giao thông vận tải; định mức kinh tế kỹ thuật về công tác quản lý, sửa chữa thường xuyên đường giao thông nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 2712/QĐ-GT ngày 14 tháng 10 năm 1996 của Bộ Giao thông vận tải.

b) Các hạng mục không có ở các văn bản tại Mục 1 Điều này, được phép tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, đơn giá tương ứng của các ngành khác hoặc của địa phương đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, đơn giá có thể được điều chỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền ban hành các bộ định mức, đơn giá mới theo tại thời điểm thực hiện công trình.

2. Áp dụng trong sửa chữa định kỳ đường bộ; sửa chữa đột xuất: Áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật và định mức quy định như đối với công trình trong sửa chữa và xây dựng cơ bản.

**Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ**

Nguồn kinh phí để thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình bao gồm:

1. Nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã: gồm các nguồn thu từ quỹ bảo trì đường bộ, chi sự nghiệp giao thông và huy động của người dân, cộng đồng tham gia.

2. Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ.

3. Các nguồn hợp pháp khác.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 10;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ GTVT, Bộ NNPTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ TP;
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- TT-TU, TT-HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở TP, Báo ĐK, Đài PTTH tỉnh;
- HĐND huyện, thành phố;
- Đoàn QLGTTB, Phòng Tiếp dân;
- Website CP, Website tỉnh;
- Các PCVP (NC) UBND tỉnh;
- KTN, TCĐT, TH, TTCB, TTTH;
- Lưu: VT, HC



**Võ Thành Hạo**